

BẢN TIN TUẦN

**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC, PHỤC VỤ
CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

Lưu vực sông Sê San

(Tuần từ 16/7/2020 đến 23/7/2020)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1.1. Lượng mưa

Bảng 1.1. Tổng hợp lượng mưa, dự báo mưa tại các trạm chính

TT	Trạm	Lượng mưa tuần qua (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So (4) với cùng kỳ (+/- %)					Lượng mưa tuần tới (mm)
				TBNN	2015	2016	2018	2019	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Kon Tum	17	562	-26	-24	-22	-53	-34	54
2	Đắk Tô	32	554	-28	+176	+11	-45	-34	58
3	Kon Plong	13	389	-26	+102	+27	-58	-22	59
4	Plei Ku	71	565	-34	-33	+19	-50	-20	48
Trung bình		33	512						57

Nhận xét: Tuần qua trên lưu vực sông Sê San tại các trạm có mưa, lượng mưa tuần qua đạt 13 ÷ 71 mm. Tổng lượng mưa tích lũy từ 1/1/2020 trên lưu vực sông Sê San giao động từ 389 ÷ 565 mm, so với TBNN tại các trạm thấp hơn từ 26 ÷ 34%. Dự báo trong tuần tới, tại các trạm trên lưu vực sông Sê San có mưa, lượng mưa trung bình khoảng 57 mm.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi

Bảng 1.2. Tổng hợp nguồn nước tại các công trình thủy lợi

TT	Tên công trình	Dung tích thiết kế (triệu m ³)		Tỉ lệ hiện tại (%)		So cột (5) với cùng kỳ (+/- %)					Xu thế kỳ tiếp
		Thiết kế	Hữu ích	W _{tb}	W _{hi}	TBNN	2015	2016	2018	2019	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Cà Sâm	1,73	1,48	13	0	-11	+9	-5	-54	-6	Tăng
2	Đắk Trít	1,48	1,12	68	57	-5	0	+2	-5	-12	Tăng
3	Đắk Loh	4,15	2,70	39	5	-8	+3	-11	0	-15	Tăng
4	Ya Bang Thượng	1,88	1,85	19	18	-6	+3	-1	-7	-17	Tăng
5	Đắk Yên (*)	6,40	5,95	24	17	-8	0	+3	-14	-1	Tăng
6	Đắk Kan	3,20	1,56	100	100	+30	+39	+29	+27	+29	Giảm
7	Đắk Hơ Niêng	0,80	0,44	82	67	-16	-1	-16	-19	-27	Tăng
8	Đắk Uy (*)	29,66	25,84	15	2	-9	0	-4	-11	-3	Tăng
9	Đắk Ron Ga	6,55	4,07	70	52	+4	+6	3	-2	+14	Tăng
10	Đắk Chà Mòn	1,57	1,37	30	20	-19	-8	-14	-18	-18	Tăng
11	Đắk Sa Men	1,36	1,11	16	0	-15	-2	-6	-22	-11	Tăng
12	Đắk Prông	2,22	2,04	36	30	-24	-14	-11	-36	-15	Tăng
13	Đắk Rơ Wa	0,74	0,62	52	42	+2	+21	+19	-25	+4	Tăng
14	C19	0,31	0,24	29	24	0	+11	+5	-3	+8	Tăng
15	Đắk Prông	1,24	1,05	75	71	+27	+45	+61	+7	0	Tăng

TT	Tên công trình	Dung tích thiết kế (triệu m ³)		Tỉ lệ hiện tại (%)		So cột (5) với cùng kỳ (+/- %)					Xu thế kỳ tiếp
		Thiết kế	Hữu ích	W _{tb}	W _{hi}	TBNN	2015	2016	2018	2019	
16	Kon Tu Zốp	0,50	0,35	56	36	+4	+34	+16	-18	+30	Tăng
17	Tân Điền	0,87	0,78	49	43	+1	+25	+3	-19	0	Tăng
18	Đăk Hơ Na	2,05	1,94	53	50	+4	+25	+13	-6	-8	Tăng
19	Hồ Chè	0,59	0,55	10	3	-5	+6	-10	-19	+3	Tăng
20	Đăk Hơ Nia	1,14	0,95	10	0	-44	-58	-38	-36	-52	Giảm
21	Đăk Trang	1,21	1,02	2	0	-53	-67	-46	-45	-66	Giảm
22	Biển Hồ	42,00	28,50	44	17	+3	+5	+7	-6	+3	Tăng
23	Ia Hrung	2,09	1,58	80	73	+16	+55	+41	-10	-7	Tăng
24	Ia Năng	0,46	0,45	81	81	+12	+20	+29	+16	+12	Tăng
25	Tân Sơn	4,40	4,09	23	17	-20	-18	+1	-42	-1	Tăng
	Tổng cộng	118,6	91,7	37	18	-3	+4	+2	-10	-1	Tăng

Nhận xét: Hiện nay, tổng dung tích 25 hồ chứa trên lưu vực sông Sê San thuộc địa phận các tỉnh Kon Tum và Gia Lai là 43,76/118,6 triệu m³, tổng dung tích toàn bộ đạt 37% thấp hơn 3% so với TBNN. Đến nay, trên địa bàn lưu vực sông Sê San vẫn còn một số hồ chứa có dung tích rất thấp như: hồ Cà Sâm, hồ Đăk Sa Men, hồ Đăk Hơ Nia, hồ Đăk Trang.

b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du

Bảng 1.3. Tổng hợp nguồn nước tại các công trình thủy điện chính bổ sung nước vùng hạ du

Công trình	Dung tích toàn bộ (triệu m ³)		Tỉ lệ hiện tại (%)		So với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo xu thế nguồn nước	Lượng nước bổ sung cho hạ du (m ³ /s)	MN hiện tại so với QTVH (m)
					TBN	2015	2016	2018	2019			
	Thiết kế	Hiện tại	W _{tb}	W _{hi}								
Pleikrông	1.048,7	116,1	11	2	-10	-3	-7	-19	-10	Giảm	171	-29,9
Ialy	1.037,0	299,8	29	5	-16	-15	-12	-27	-6	Giảm	206	-19,3
Sê San 3	92,0	88,9	97	19	0	0	0	0	0	Giảm	235	
Sê San 4	893,3	647,6	73	7	-13	-11	+1	-23	-3	Giảm	294	-4
Sê San 4A	13,1	11,6	89	80	+6	+3	+5	-15	+12	Giảm	221	
Tổng	3.078,8	1164,0								Giảm		

Nhận xét: Hiện nay dung tích toàn bộ của các hồ đạt từ 11 ÷ 97% dung tích thiết kế. Tổng dung tích hiện tại của các hồ là 1.164 triệu m³. So với TBNN dung tích toàn bộ các hồ thấp hơn từ 10 ÷ 16%, riêng hồ Sê San 4A cao hơn 6%. Dự báo trong tuần tới nguồn nước đến các hồ thủy điện có xu hướng giảm, lượng nước bổ sung cho hạ du khoảng 171 ÷ 294 m³/s.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HÁN

2.1. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

Theo tính toán của Viện Quy hoạch Thủy lợi cho 25 công trình hồ chứa vừa và lớn vụ Mùa tưới cho 8.979 ha (Lúa 2.325 ha, màu và cây công nghiệp 6.654 ha), diện tích đảm bảo tưới là 8.975 ha đạt 99,95%. Kết quả tính toán cân bằng nước cho toàn hệ thống cho thấy:

- Có 24/25 công trình đáp ứng đủ 100% diện tích tưới theo kế hoạch.
- Có 1/25 công trình nguồn nước chỉ đáp ứng khoảng 90% diện tích tưới: hồ Đăk Sa Men (đáp ứng 36 ha, 90%).

Bảng 2.1. Kết quả tính toán khả năng cấp nước các công trình

T T	Tên công trình	W _{th} hiện tại (triệu m ³)	Nhiệm vụ (ha)	Dự báo tuần 16/7 ÷ 23/7/2020, Vụ Mùa 2020				Khuyến cáo
				W _{hi} hiện có (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	W _{hi} cuối tuần tới (%)	
1	Hồ Cà Sấm	0,23	136	0	100	136	4	Đủ nước
2	Đắk Trít	1,01	102	57	100	102	62	Đủ nước
3	Đắk Loh	1,63	88	5	100	88	10	Đủ nước
4	Ya Bang Thượng	0,36	132	18	100	132	19	Đủ nước
5	Đắk Yên (*)	1,51	213	17	100	213	19	Đủ nước
6	Đắk Kan	3,21	285	100	100	285	100	Đủ nước
7	Đắk Hơ Niêng	0,66	273	67	100	273	78	Đủ nước
8	Đắk Uy (*)	4,35	3469	2	100	3469	5	Đủ nước
9	Đắk Ron Ga	4,58	130	52	100	130	53	Đủ nước
10	Đắk Chà Mòn	0,47	25	20	100	25	23	Đủ nước
11	Đắk Sa Men	0,22	40	0	90	36	0	Thiếu nước
12	Đắk Prông	0,80	60	30	100	60	30	Đủ nước
13	Đắk Rơ Wa	0,38	18	42	100	18	45	Đủ nước
14	C19	0,08	191	24	100	191	26	Đủ nước
15	Đắk Prông	0,94	36	71	100	36	72	Đủ nước
16	Kon Tu Zốp	0,28	17	36	100	17	43	Đủ nước
17	Tân Điền	0,43	103	43	100	103	51	Đủ nước
18	Đắk Hơ Na	1,08	41	50	100	41	51	Đủ nước
19	Hồ Chè	0,06	36	3	100	84	7	Đủ nước
20	Đắk Hơ Nia	0,12	76	0	100	76	0	Đủ nước
21	Đắk Trang	0,02	19	0	100	19	0	Đủ nước
22	Biển Hồ	18,35	2445	17	100	2445	19	Đủ nước
23	Ia Hrung	1,66	295	73	100	295	76	Đủ nước
24	Ia Năng	0,37	118	81	100	118	84	Đủ nước
25	Tân Sơn	1,00	631	17	100	631	19	Đủ nước
	Tổng cộng	43,76	8.979			8.975		

2.2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Kết quả tổng hợp lượng mưa từ đầu năm 2020 và lượng mưa dự báo trong tuần tới, so sánh với các năm điển hình cùng thời đoạn được tổng hợp theo từng trạm tương ứng với phạm vi ảnh hưởng tại mỗi trạm trên lưu vực được thể hiện như bảng sau:

Bảng 2.2. So sánh lượng mưa và khuyến cáo, mức độ rủi ro hạn tại các vùng

Trạm	Vùng	Mưa từ 01/01/2020 và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Kon Tum	TP Kon Tum, Đắk Hà	617	+100	-27	-50	
Đắk Tô	Tu Mơ Rông, Ngọc Hồi, Đắk Tô	613	+92	-28	-35	
Kon Plong	KonPlong, Kon Rẫy	448	+78	-23	-58	
Plei Ku	TP PleiKu, Ia Grai, ChưPah	613	+125	-36	-61	

Nhận xét: Lượng mưa cộng dồn từ 01/01/2020 tính đến thời điểm hiện tại và dự báo tuần tới trên vùng lưu vực sông Sê San tại Kon Tum có thể thấp hơn TBNN từ 23 ÷ 36%. Như vậy khả năng rủi ro hạn hán thiếu nước vụ Mùa 2020 dự báo có thể ở mức độ nhẹ đến trung bình nhưng vẫn có thể diễn biến phức tạp, đặc biệt đối với các vùng sản xuất phụ thuộc nước mưa nằm tại vị trí thượng nguồn, hoặc diện tích canh tác của người dân quá lớn vượt khả năng nguồn nước tự nhiên.

2.3 Tổng hợp thông tin hạn

Bảng 2.3. Tổng hợp thông tin hạn hán trong vùng

Diện tích (ha)				Chuyển đổi do thiếu nước (ha)	Điều chỉnh kế hoạch sản xuất do thiếu nước (ha)	Diện tích bị ảnh hưởng (ha)		
Tổng	Lúa	Màu, cây hàng năm khác	Cây công nghiệp lâu năm			Cao nhất	Hiện tại	Xu thế
123.820	24.900	7.770	91.150					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nhìn chung, tình hình hạn hán trong vụ Mùa trên địa bàn lưu vực sông Sê San khả năng xảy ra kịch bản hạn nhẹ; vùng ngoài công trình thủy lợi khả năng bị ảnh hưởng bởi hạn hán ở mức độ nhẹ tại các khu vực đất sản xuất thuộc huyện Đăk Hà, Đăk Tô, Ngọc Hồi, Đăk Gleï, Sa Thầy, Kon Rẫy, Chư Pah, Ia Grai và thành phố Kon Tum.

- Kiến nghị các địa phương thực hiện một số các giải pháp sau:

+ Các hồ chứa có khả năng thiếu nước như Đăk Sa Men, Cà Sâm, Đăk Hơ Nia, Đăk Trang, Đăk Uy, Hồ Chè... cần tích nước tối đa trong thời gian lũ tiểu mãn, nếu không xảy ra mưa tiểu mãn dung tích hồ trữ thấp cần xem xét dần tiến độ thời vụ và xem xét giảm diện tích để hạn chế hạn hán;

+ Lập kế hoạch phòng chống hạn hán cho các vùng có nguy cơ bị hạn hán thiếu nước như vùng huyện Đăk Hà, Đăk Tô, Ngọc Hồi, Đăk Gleï, Sa Thầy, Kon Rẫy, Chư Pah, Ia Grai và thành phố Kon Tum.

+ Tăng cường truyền thông sử dụng nước tiết kiệm, tránh lãng phí nguồn nước;

+ Tăng cường áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm cho cây rau màu và cây lâu năm;

+ Đơn vị quản lý vận hành các hệ thống thủy lợi cần quản lý thực hiện chặt chẽ, sát sao công tác vận hành nhằm giảm thiểu thất thoát nguồn nước, hài hòa lượng nước tưới trong toàn khu tưới của các công trình;

+ Nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc bảo vệ rừng và thảm phủ thực vật trên lưu vực;

Kết quả tính toán và khuyến cáo đưa ra dựa trên số liệu hiện trạng nguồn nước và dự báo mưa dài hạn trước 3 tháng. Hiện tại, số lượng, mật độ lưới trạm quan trắc còn thưa so với yêu cầu nên kết quả dự báo sẽ có những sai số. Vì vậy cần tiếp tục theo dõi các bản tin tiếp theo để cập nhật tình hình dự báo mưa, nguồn nước trong giai đoạn tới.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 24/7/2020.